**G.A DẠY THÊM KNTT LỚP 7**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**BÀI 5. MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù: Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 5:**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản. Từ đó, làm được các bài tập đọc hiểu GV giao.

- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền. Từ đó, giải quyết được các bài tập tiếng Việt.

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**2. Năng lực chung:**

**- Tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ nhóm học tập để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

- Chăm chỉ; tích cực ôn tập chuẩn bị cho kiểm tra cuối kì I.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC ÔN TẬP**

Phạm Thị Hồng Nhung-lê quý đôn thái bình 0905776101

**BUỔI:**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

- GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Viết theo trí nhớ những nội dung trọng tâm của bài học 05 (Đọc và viết). Thời gian: 04 phút.

- HS làm việc cá nhân, hoàn thành Phiếu học tập 01.

**-** GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

- GV nhận xét, biểu dương HS phát biểu tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 5:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *…* |
| ***+ Văn bản 2:*** *…* |
| ***+ Văn bản 3:*** *…* |
| ***+ Văn bản Thực hành đọc:*** |
| **Thực hành Tiếng Việt: …..** |
| Viết | **Viết:** …. |

\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* (*trích,* Vũ Bằng). |
| ***+ Văn bản 2:*** *Chuyện cơm hến* (Hoàng Phủ Ngọc Tường). |
| ***+ Văn bản 3:*** *Hội lồng tồng* (Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ) |
| ***+ Văn bản Thực hành đọc:*** *Những khuôn cửa dấu yêu* (Trương Anh Ngọc). |
| **Thực hành Tiếng Việt:** *Từ ngữ địa phương.* |
| Viết | **Viết:** Viết văn bản tường trình. |

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**(So sánh đặc trưng thể loại tuỳ bút và tản văn)**

|  |  |
| --- | --- |
| **So sánh** | **Tuỳ bút và tản văn** |
| **Giống nhau:** | * Thể loại:.... * Bố cục:.... * Phương thức biểu đạt:.... * Nội dung:.... * Ngôn ngữ:.... |
| **Khác nhau:** | * Dung lượng:.... * Nội dung:..... * Điểm tựa:.... * Ngôn ngữ:... |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

(Cách đọc VB tuỳ bút và tản văn)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuỳ bút** | **Tản văn** |
| **...** | **...** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **A. ÔN TẬP NHỮNG ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TUỲ BÚT VÀ TẢN VĂN** | |
| \*GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức về thể loại, cách đọc thông qua Phiếu học tập số 2 và số 3.  \*HS ôn lại kiến thức, thực hiện yêu cầu vào Phiếu.  \*GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm, lưu ý khi đọc tuỳ bút và tản văn.  **1. So sánh đặc trưng thể loại tuỳ bút và tản văn**   |  |  | | --- | --- | | **So sánh** | **Tuỳ bút, tản văn** | | Giống nhau: | **- Thể loại:** Đều thuộc văn xuôi. Đều mang tính chất phi hư cấu: viết được trên cảm xúc có thật, người viết đã chứng kiến hoặc trải nghiệm qua cảm xúc ấy.  **- Bố cục:** thường tự do, tản mạn nhưng vẫn chụm về một chủ đề, tư tưởng, cảm hứng nhất định.  **- Phương thức biểu đạt:** Kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận.  **- Nội dung:** Thể hiện trực tiếp những suy nghĩ tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết (mang đậm dấu ấn cá nhân của nhà văn).  **- Ngôn ngữ:** bóng bẩy, trong sáng, súc tích, tươi mới, tự nhiên. | | **Khác nhau** | **- Dung lượng:** Tản văn thường ngắn hơn tuỳ bút (nên còn gọi là đoản văn).  **- Nội dung:**  **\*Tuỳ bút:** nghiêng về phản ánh các khía cạnh của đời sống con người, thiên nhiên.  **\*Tản văn**: thường bày tỏ góc nhìn về các vấn đề xã hội (tạp văn, nhàn đàm) thường chộp lấy một khoảnh khắc bất chợt để bày tỏ suy nghĩ, chủ kiến.  **- Điểm tựa:**  **+ Tuỳ bút:** ghi chép con người và sự việc có thật, coi trọng và phát huy tối đa cảm xúc, quan điểm chủ quan của người viết, yếu tố trữ tình hầu như được đề cao hơn cả.  **+ Tản văn:** dựa trên vài nét chấm phá về đời sống để thể hiện tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ, chủ kiến….  **- Ngôn ngữ:**  **+ Tuỳ bút:** giàu hình ảnh, giàu chất thơ.  **+ Tản văn:** gần với đời thường, trò chuyện, tâm sự, bàn luận. |   **2. Cách đọc VB tuỳ bút và tản văn**  **a. Tuỳ bút**  - Đọc, cảm nhận, vận dụng tri thức đọc hiểu để nhận diện thể loại;  - Chú ý đến những chi tiết về con người và sự kiện cụ thể, có thực, nhất là những chi tiết trở thành cái cớ để bộc lộ cảm xúc, suy tư,…;  - Phát hiện và chỉ ra cách nhìn nhận, lí giải của tác giả về các sự việc, hiện tượng;  - Chú ý các chi tiết, sự kiện, chủ đề tư tưởng, thông điệp mà Vb gửi gắm thông qua hình thức nghệ thuật;  - Rút ra được thông điệp, bài học nhân văn;  - Suy nghĩ để cảm nhận tư tưởng, quan niệm luận bàn của tác giả;  - Liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại.  **b. Tản văn**  - Đọc, cảm nhận, vận dụng tri thức đọc hiểu để nhận diện thể loại;  - Tìm ra những tín hiệu thẩm mĩ có vai trò trung tâm được tác giả sử dụng để triển khai cấu tứ tác phẩm; quan tâm đến chi tiết khơi gợi cảm xúc và dấu ấn cá nhân của tác giả.  - Chú ý các chi tiết, sự kiện, chủ đề tư tưởng, thông điệp mà Vb gửi gắm thông qua hình thức nghệ thuật;  - Rút ra được thông điệp, bài học nhân văn;  - Suy nghĩ để cảm nhận tư tưởng, quan niệm luận bàn của tác giả;  - Liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại. | |
| **B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | |
| **VĂN BẢN 1: *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* (Vũ Bằng)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về VB. | **I. Kiến thức cơ bản về tác phẩm**  **1. Tác giả: Vũ Bằng**  **2. Khái quát lại kiến thức chung văn bản**  **\*Hoàn cảnh ra đời:**  *- Thương nhớ Mười Hai* được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bắc.  **\*Đề tài:** Cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân.  **\*Thể loại:** Tuỳ bút.  **\*Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm.  **\*Mạch cảm xúc:** Dựa trên cảm hứng chủ đạo về mùa xuân: “*ai cũng chuộng mùa xuân*” -> đưa ra “lí lẽ” và “dẫn chứng”(“lí lẽ”: “*ai bảo…ai cấm…*”; “dẫn chứng”: “phỏng đoán” bằng những câu hỏi và câu trả lời cho các nhân vật tưởng tượng: em gái, chàng trai, thiếu phụ,…-> dùng những trải nghiệm của bản thân về mùa xuân để chứng minh khẳng định quy luật: Ai cũng chuộng mùa xuân, nhất là mùa xuân lại gắn với những kỉ niệm, hổi ức gần gũi, chan chứa yêu thương.  **3. Khái quát kiến thức văn bản**  **\*Những ấn tượng về không gian mùa xuân Hà Nội trong hoài niệm của tác giả**  - Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, giàu âm thanh, gợi nhiều cảm xúc, mang những nét đặc trưng của miền Bắc;  - Không gian sau rằm có sự chuyển đổi của không gian;  - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau Tết.  **\*Sức sống của thiên nhiên và con người**  - Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp...  **\*Lời văn – dấu ấn cá nhân của tác giả**  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi nhiều cảm xúc;  - Giọng điệu thiết tha, trò chuyện tâm tình, khơi gợi tình cảm gần gũi, đồng điệu trong tâm hồn người đọc.  **\*Những nét nghệ thuật đặc sắc:**  - Lời văn giàu hình ảnh nhịp điệu;  - Cảm xúc mãnh liệt;  - Chi tiết tinh tế;  - Sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá… |
| **\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu Vb.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

1. **LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU VÀ LÀM VĂN**

**I. ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2.** Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

**Câu 3.** Chĩ rõ phép tu từ điệp ngữ và phân tích tác dụng.

**Câu 4.** Em có nhận xét gì về cách cảm nhận của tác giả về mùa xuân?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

**Câu 2.** Câu văn thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội: *Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.*

**Câu 3.**

**-** Phép tu từ điệp ngữ: *“mùa xuân, có, mùa xuân của Hà Nội, Bắc Việt*”  
- Tác dụng: tạo sự liên kết; nhấn mạnh ý, tạo cho đoạn văn giàu âm điệu, giọng văn trở nên tha thiết, gợi cảm; thể hiện rõ tình cảm yêu mến mùa xuân Hà Nội của tác giả.

**Câu 4.** Cách cảm nhận của tác giả về mùa xuân: tinh tế, nhạy cảm, sâu sắc.

**II. LÀM VĂN**

**Bài tập:** Qua đoạn văn trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) phát biểu cảm nghĩ của em về mùa xuân.

**\*GỢI Ý:**

**A. Mở đoạn:** Giới thiệu chung về mùa xuân: Mùa xuân khởi đầu của một năm, mùa con người đoàn tụ. Mùa xuân cũng là mùa cây cối sinh sôi, vạn vật phát triển.

**B. Thân đoạn:** Triển khai theo các ý sau:

- Sự thay đổi của đất trời ra sao?

- Sự thay đổi của cây cối, muôn loài?

- Hoạt động của con người: Đoàn tụ (trở về quê hương sau học tập, làm việc); mua sắm Tết như quần áo, trang trí nhà cửa, cây cảnh…

- Sự biến chuyển trong tình cảm: Người lớn vui vẻ, phấn khởi khi xuân về; trẻ em có lì xì, quần áo mới hân hoan; người già: thêm tuổi mới và được con cháu mừng thọ.

**C. Kết đoạn:** Cảm nghĩ về mùa xuân: Mùa xuân khởi đầu với nhiều điều tốt đẹp, vạn sự như ý. Mùa xuân mọi người sức khỏe, bình an, mong đất nước luôn phát triển phồn thịnh.

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc lại văn bản “*Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt*” và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**. Văn bản thuộc thể loại nào?

1. Tản văn B. Truyện ngắn D. Tùy bút D. Hồi ký

**Câu 2.** Vũ Bằng đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Đồng bằng Bắc bộ B. Duyên hải Nam trung bộ

C. Đồng bằng sông Cửu Long D. Tây Nguyên

**Câu 3.** Mùa xuân được tác giả cảm nhận bằng những giác quan:

A. thính giác, xúc giác, thị giác. B. thính giác, khứu giác, vị giác.

C. thính giác, xúc giác, vị giác. D. thính giác, khứu giác, xúc giác.

**Câu 4**. Vẻ đẹp mùa xuân hiện lên như thế nào?

A. Tươi tắn và sôi động. B. Lạnh lẽo và u buồn.

C. Trong sáng và nồng cháy. D. Se lạnh và ấm áp.

**Câu 5.** Cái “tôi” tác giả được thể hiện như thế nào trong bài tuỳ bút?

1. Cảm xúc dâng trào, nhớ thương, tinh tế, trân trọng, rộn ràng, say mê.

B. Cảm xúc buồn bã, hào hứng, tinh tế, trân trọng, rộn ràng, bíu ríu.

C. Cảm xúc dâng trào, hào hứng, tinh tế, trân trọng, nâng niu.

D. Cảm xúc dâng trào, hào hứng, tinh tế, nhớ thương.

**Câu 6.** Ý nghĩa của văn bản trên là gì?

1. Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê.
2. Sự gắn bó máu thịt giữa con người với quê hương, xứ sở – một biểu hiện cụ thể của tình yêu đất nước.
3. Sự gắn bó máu thịt giữa con người với quê hương, tái hiện nỗi nhớ da diết của một người xa quê.
4. Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân ở Hà Nội - một biểu hiện cụ thể của tình yêu đất nước.

**Câu 7.** Từ “phong” trong câu văn: *Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong* [...], có nghĩa là gì?

1. Bọc kín. B. Oai phong. C. Cơn gió. D. Đẹp đẽ.

**Câu 8.** Công dụng của dấu chấm lửng trong đoạn văn sau: *Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

1. Làm giãn nhịp điệu câu văn.
2. Thể hiện chỗ lời bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.
3. Còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.
4. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

**Câu 9.** Qua văn bản, em hãy nêu những đặc trưng khi mùa xuân về trên quê hương của em?

**Câu 10.** Em thường làm gì để cùng gia đình đón Tết vui vẻ? (Nêu ít nhất 02 việc)

**\*GỢI Ý ĐỀ SỐ 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |
| **TN** | 1C; 2A; 3A; 4D; 5A; 6B; 7D; 8C |
| **TL** | **Câu 9:** Tự chia sẻ những nét đặc trưng khi mùa xuân đến ở nơi mình sinh sống. |
| **Câu 10:** Nêu được ít nhất 02 việc làm phụ giúp ba mẹ chuẩn bị đón Tết vui vẻ. |

**B. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

      Sinh ra ở trên cao, ngỡ Đà Lạt đã được phú cho một bình yên vĩnh viễn. Bình yên mới là gia tài lớn nhất của Đà Lạt. Để cầm giữ sự bình yên quí giá ấy, Đà Lạt đã phải đánh đổi phận mình, lùi sâu vào ẩn dật giữa sơn dã lâm tuyền. Đà Lạt đã nâng niu sự bình yên của mình bằng một nhịp sống chậm, bằng cách sống sâu, gắng gỏi cách li với những hối hả phiền tạp của các đô thị lớn mạn dưới.

Nhưng những hàng thông giàu tiên cảm kia, những vạt hoa đồi quá mẫn cảm kia dường như hằng đêm vẫn trăn trở, lo âu, vẫn nơm nớp với linh cảm về một ngày nào đó bình yên có thể bị tuột mất, đoạt mất. Với người đến từ chốn náo động xô bồ, Đà Lạt là tỉ phú của êm ả, là nơi cư trú muôn đời của bình yên. Nhưng chỉ có Đà Lạt mới thực sự biết rằng sự bình yên ấy mong manh thế nào, và Đà Lạt phải ráng mình để chắt chiu vun góp cho bình yên ấy ra sao.

Mối nguy cơ đến từ vùng thấp đang lan tràn và lăm le đánh chiếm nốt miền cao này. Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiễu loạn, quay cuồng chả đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả. Sự cách li có là phòng tuyến lâu dài? Sự ẩn dật có thể là trường thành chống đỡ ? và cách sống chậm nữa, liệu có thể là lá mộc che giữ cho sự bình yên này mãi không? Tôi đọc ra niềm lo âu trong mỗi tiếng thở dài của rừng thông về đêm và những thoáng rùng mình kín đáo từ những đóa hoa hồng, lay ơn, cẩm tú cầu khi những tia nắng đầu tiên gọi về một ngày mới.

(Chu Văn Sơn, *Tự tình cùng cái đẹp*, NXB Hội Nhà văn, 2019, tr.49)

**Câu 1.** Tìm những chi tiết thể hiện những đặc điểm nổi bật của Đà Lạt.

**Câu 2.** Theo tác giả, nguy cơ mà Đà Lạt đang gặp phải đó là gì?

**Câu 3.** Em đọc được tình cảm, cảm xúc nào của tác giả dành cho Đà Lạt?

**Câu 4.** Em có đồng tình với tác giả khi cho rằng: “*Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiễu loạn, quay cuồng chả đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả*”

**Câu 5.** Theo em, có cách nào để bảo vệ sự bình yên cho các danh lam thắng cảnh ở nước ta?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 1:**

**Câu 1.** Những chi tiết thể hiện những đặc điểm nổi bật của Đà Lạt: *sinh ở trên cao, được phú cho một bình yên vĩnh viễn, ẩn dật giữa sơn dã lầm tuyền, sống chậm, sống sâu, là tỉ phú của êm ả,…*

**Câu 2.** Theo tác giả, nguy cơ mà Đà Lạt đang gặp phải đó là: *vùng thấp đang lan tràn và lăm le đánh chiếm.*

**Câu 3.** Tình cảm, cảm xúc tác giả dành cho Đà Lạt: Yêu mến, nâng niu trân trọng lẫn lo âu phấp phỏng cho một Đà Lạt bị những xô bồ hỗn tạp xâm chiếm mất.

**Câu 4.** Tác giả cho rằng: “*Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiễu loạn, quay cuồng chả đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả*”.

- Đồng tình nếu chúng ta không có biên pháp bảo vệ những chốn êm đềm yên ả, ngặn chặn sự xâm lấn của cái xô bồ, hỗn tạp,…

- Không đồng tình vì chúng ta đang rất nỗ lực khai thác và bảo tồn các danh lam thắng cảnh,…

**Câu 5.** HS có thể chia sẻ các đề xuất về cách để bảo vệ sự bình yên cho các danh lam thắng cảnh ở nước ta như:

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu rõ các giá trị của Đà Lạt và cách để bảo tồn nguyên vẹn một Đà Lạt yên bình, tĩnh lặng,…

- Có hệ thống quy định rõ ràng với khách tham quan như không ồn ào, cần giữ môi trường tĩnh lặng.

- Khuyến khích các hành động bảo vệ môi trường, thắng cảnh…

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

Lâu rồi tôi mới trở lại quê mẹ, cuộc sống nơi đất khách quay cuồng cứ đẩy tôi xa quê dần. Chiều nay về đi giữa đường làng, bỗng nghe lòng mình một chút gì hụt hẫng. Đâu rồi con đường trải cát mịn quanh co tôi đếm bước ngày xưa. Đâu rồi những mái ngói rêu phong chiều về khói bếp mờ tỏa. Đâu rồi những lũy tre xanh rì ngày nhỏ rợp bóng tuổi thơ tôi…

Chiều nay về giữa quê nhà, nghe lòng bùi ngùi như vừa mất đi nhiều thứ. Thương từng bụi tre nay không còn vì phải thay chỗ cho những ngôi nhà mới mọc lên. Có một thời dại khờ tôi vẫn nghĩ, tre già thì măng mọc, cây tre sức sống bền bĩ, chẳng ai có thể triệt hạ được tre. Vậy mà giờ đây, trên con đường đất mịn màng từng một thời cả ngày chẳng mấy khi có bóng nắng giờ chỉ còn lại nền bê tông thô ráp, tôi biết tìm đâu những rặng tre xanh rờn che mát một thuở khi xưa…

Ai đã từng lớn lên dưới bóng hàng tre, chắc sẽ yêu cây tre của quê mình biết mấy. Tôi lớn lên từ gốc rạ, bên những lũy tre làng. Tuổi thơ tôi là những trưa hè ngồi dưới bóng mát hàng tre vót nan đan lờ, đó để ngày mưa ra đồng bắt cá, hay có khi là con diều giấy cho em, chiếc rổ tre cho mẹ. Là những chiều dịu nắng, cùng đám bạn ra đường làng chơi trò ú tim, núp sau bụi tre già mà nghe hồi hộp, bắt được nhau tiếng cười đung đưa cả hàng tre. Là những sáng tung tăng đến trường trên con đường làng quen thuộc, nghe tiếng chim non trên cành tre ríu rít, ngắm những giọt sương mai long lanh nơi đầu lá tre thấy lòng mình yên vui đến lạ… Là những kỷ niệm xanh rờn của một thời bé dại như bóng hàng tre đầu ngõ xanh thẳm trong tôi…

Cuộc sống rồi phải khác đi, nhiều thứ phải dần thay đổi. Làng tôi không còn vất vả như ngày xưa, từng gia đình bây giờ đã khá giả hơn trước. Ai xa quê cũng mong mỏi điều này. Dẫu biết rằng cuộc sống mỗi ngày một phát triển, sau cây đa, bến nước, nhiều thứ thuộc về đồng ruộng rồi cũng sẽ vắng dần, những hàng tre của làng quê bao năm yên bình rồi cũng phải bị đốn hạ. Bỗng nghe lòng bâng khuâng tiếc nhớ. Đâu rồi những lũy tre già xanh rì rợp mát tuổi thơ tôi…

(Phạm Tuấn Vũ, *Còn đâu những lũy tre làng*, theo *https://baodaklak.vn*)

**Câu 1.** Xác định đề tài của văn bản. Dựa vào đâu mà em biết?

**Câu 2.** Yếu tố trữ tình được thể hiện trực tiếp ở những câu văn nào?

**Câu 3.** Nêu tác dụng của phép điệp ngữ trong những câu văn sau: “*Đâu rồi con đường trải cát mịn quanh co tôi đếm bước ngày xưa. Đâu rồi những mái ngói rêu phong chiều về khói bếp mờ tỏa. Đâu rồi những lũy tre xanh rì ngày nhỏ rợp bóng tuổi thơ tôi…*”

**Câu 4.** Văn bản thể hiện vấn đề gì? Qua vấn đề đó, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?

**Câu 5.** Em có suy nghĩ gì về nhận định của tác giả: “*Cuộc sống rồi phải khác đi, nhiều thứ phải dần thay đổi”.*

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 2:**

**Câu 1.**

**-** Đề tài của văn bản: thiên nhiên ở làng quê.

- Dựa vào: Nhan đề của văn bản: *Còn đâu những lũy tre làng*; từ ngữ được lặp lại nhiều lần “luỹ tre, hàng tre, bụi tre”; nội dung mà văn bản đề cập đến là sự tiếc nuối của tác giả khi mất đi những luỹ tre làng.

**Câu 2.** Yếu tố trữ tình được thể hiện trực tiếp ở những câu văn như: *Bỗng nghe lòng bâng khuâng tiếc nhớ. Đâu rồi những lũy tre già xanh rì rợp mát tuổi thơ tôi…*

**Câu 3.** Tác dụng của phép điệp ngữ trong những câu văn: “*Đâu rồi con đường trải cát mịn quanh co tôi đếm bước ngày xưa. Đâu rồi những mái ngói rêu phong chiều về khói bếp mờ tỏa. Đâu rồi những lũy tre xanh rì ngày nhỏ rợp bóng tuổi thơ tôi…*”

- Tạo sự liên kết chặt chẽ và giọng điệu nhịp nhàng giữa các câu văn;

- Nhấn mạnh tình cảm tiếc nuối trước những vẻ đẹp làng quê đang dần bị biến mất.

**Câu 4.** Văn bản thể hiện vấn đề: Vẻ đẹp làng quê đang bị mất dần. Qua vấn đề đó, tác giả muốn gửi gắm thông điệp: Cần trân trọng, nâng niu, giữ gìn những vẻ đẹp vốn có của làng quê; phát triển nhưng không được huỷ hoại đi những nét đẹp vốn có của thiên nhiên cảnh vật.

**Câu 5.** Nhận định của tác giả: “*Cuộc sống rồi phải khác đi, nhiều thứ phải dần thay đổi”:* Cần biết chấp nhận sự thay đổi thì mới có thể phát triển đi lên, đó là quy luật bất biến nhưng cũng cần chắt lọc bảo tồn những vẻ đẹp thiên nhiên, không vì phát triển mà huỷ hoại chúng.

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Cứ nhìn bát phở không thôi, cũng thú. Một nhúm bánh phở; một ít hành hoa thái nhỏ, điểm mấy ngọn rau thơm xanh biêng biếc; mấy nhát gừng màu vàng thái mướt như tơ; mấy miếng ớt mỏng vừa đỏ màu hoa hiên vừa đỏ sẫm như hoa lựu... ba bốn thứ màu sắc đó cho ta cái cảm giác được ngắm một bức họa lập thể của một họa sĩ trong phái văn nghệ tiền tiến dùng màu sắc hơi lố lỉnh, hơi bạo quá, nhưng mà đẹp mắt.

Trên tất cả mấy thứ đó, người bán hàng bây giờ mới thái thịt bò từng miếng bày lên.

Đến đây thì Tráng vẫn không nói năng gì, nhưng tỏ ra biết chiều ý khách hàng một cách đáng yêu.

Ông muốn xơi chỗ thịt nào cũng có: vè, sụn nạm, mỡ gầu, mỡ lật, vừa mỡ vừa nạc, vừa nạm vừa sụn, thứ gì anh ta cũng chọn cho kỳ được vừa ý ông - miễn là ông đến xơi phở đừng muộn quá.

Ăn phở chín thì như thế là xong, chỉ còn phải lấy nước dùng và rắc một chút hạt tiêu, hay vắt mấy giọt chanh (nếu không là tí dấm).

Nếu ông lại thích vừa tái vừa chín thì trước khi rưới nước dùng, anh Tráng vốc một ít thịt tái đã thái sẵn để ở trong một cái bát ôtô, bày lên trên cùng rồi mới rưới nước dùng sau.

Thế là “bài thơ phở” viết xong rồi đấy, mời ông cầm đũa. Húp một tí nước thôi, đừng nhiều nhé! Ông đã thấy tỉnh người rồi phải không?

Nước dùng nóng lắm đấy, nóng bỏng rẫy lên, nhưng ăn phở có như thế mới ngon. Thịt thì mềm, bánh thì dẻo, thỉnh thoảng lại thấy cay cái cay của gừng, cay cái cay của hạt tiêu, cay cái cay của ớt; thỉnh thoảng lại thấy thơm nhè nhẹ cái thơm của hành hoa, thơm hăng hắc cái thơm của rau thơm, thơm dìu dịu cái thơm của thịt bò tươi và mềm... rồi thì hòa hợp tất cả những vị đó lại, nước dùng ngọt cứ lừ đi, ngọt một cách hiền lành, êm dịu, ngọt một cách thành thực, thiên nhiên, không có chất gì là hóa học... không, ông phải thú nhận với tôi đi: “Có phải ăn một bát phở như thế thì khoan khoái quá, phải không?”

Quả vậy, ăn một bát phở như thế, phải nói rằng có thể “lâm li” hơn là nghe thấy một câu nói hữu tình của người yêu, ăn một bát phở như thế, thú có thể ví như sau một thời gian xa cách, được ngã vào trong vòng tay một người vợ đẹp mà lại đa tình vậy!

(Trích chương 2, *Phở bò – món quà căn bản*,

In trong *Miếng ngon Hà Nội,* NXB Lao động, 2009)

**Câu 1.** Nêu phương thức biểu đạt của văn bản.

**Câu 2.** Xác định chủ đề của đoạn trích.

**Câu 3.** Theo Vũ Bằng, “bài thơ phở” được viết như thế nào? Em có nhận xét gì về giọng điệu của tác giả khi viết về “bài thơ ấy”?

**Câu 4.** Phở được tác giả cảm nhận qua những hương vị nào?

**Câu 5**. Cái tôi của Vũ Bằng được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

**Câu 6.** Ngày nay phở - món ăn truyền thống của Việt Nam đã được mang ra thị trường thế giới. Theo em, việc làm này mang đến ý nghĩa gì? (Trả lời từ 3-5 dòng).

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt của văn bản: thuyết minh, biểu cảm, miêu tả.

**Câu 2.** Chủ đề của đoạn trích: Cảm nhận hương vị đặc biệt, giá trị của phở Hà Nội. Qua đó thể hiện niềm trân trọng, say mê của tác giả đối với phở và với Hà Nội.

**Câu 3.** Theo Vũ Bằng, “bài thơ phở” được viết bởi các công đoạn sau đây:

**+** Một nhúm bánh phở; một ít hành hoa thái nhỏ, điểm mấy ngọn rau thơm xanh biêng biếc; mấy nhát gừng màu vàng thái mướt như tơ; mấy miếng ớt mỏng,…

+ Trên tất cả mấy thứ đó, người bán hàng bây giờ mới thái thịt bò từng miếng bày lên.

+ Nếu ăn phở chín thì như thế là xong, chỉ còn phải lấy nước dùng và rắc một chút hạt tiêu, hay vắt mấy giọt chanh (nếu không là tí dấm).

+ Nếu thích vừa tái vừa chín thì trước khi rưới nước dùng thì vốc một ít thịt tái đã thái sẵn để ở trong một cái bát ôtô, bày lên trên cùng rồi mới rưới nước dùng sau.

* Giọng văn của tác giả tinh tế, nhẹ nhàng, pha chút hào hứng, hóm hỉnh của tác giả khi đang đợi để thưởng thức món phở truyền thống.

**Câu 4.** Tác giả cảm nhận phở qua những hương vị:Thịt thì mềm, bánh thì dẻo, thỉnh thoảng lại thấy cay cái cay của gừng, cay cái cay của hạt tiêu, cay cái cay của ớt; thỉnh thoảng lại thấy thơm nhè nhẹ cái thơm của hành hoa, thơm hăng hắc cái thơm của rau thơm, thơm dìu dịu cái thơm của thịt bò tươi và mềm... rồi thì hòa hợp tất cả những vị đó lại, nước dùng ngọt cứ lừ đi.

**Câu 5.** Cái tôi của Vũ Bằng thể hiện:

- Cách nói nhẹ nhàng, tinh tế nhưng không kém phần sắc sảo, am hiểu về ẩm thực, là người “sành ăn”.

- Cách nhân xưng ngôi thứ nhất “tôi”;

- Cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc trực tiếp qua các câu hỏi tu từ, câu văn cảm thán; - Cách bộc lộ gián tiếp khi miêu tả hương vị của phở Hà Nội.

**Câu 6.** Ý nghĩa của việc đưa phở - món ăn truyền thống của Việt Nam ra thị trường thế giới:

+ Quảng bá ẩm thực Việt Nam vừa giữ gìn văn hoá ẩm thực truyền thống vừa tạo ra thị trường rộng lớn hơn, tạo điều kiện làng nghề phát triển ổn định hơn.

+ Góp phần thúc đẩy du lịch Việt Nam.

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

**CỐM**

Cốm làng Vòng nổi tiếng khắp Hà Nội. Trước thời kì chiến tranh tiếng thơm của cốm làng Vòng truyền đưa vào đến Thanh Nghệ, đến Huế Quảng, đưa xuống Nam Định, Hải Phòng và vào thấu đến Sài Gòn Nam Bộ. Mỗi năm cứ thấy gió mùa thu nổi sóng trên đồng lúa miền Bắc là nhiều người lại nhắc đến cốm Vòng – cái món quà thổ ngơi thơm lành của ruộng lúa nếp ngoại thành thủ đô. Những cây sấu đứng đường của Hà Nội mà bắt đầu lộp bộp rụng xuống những trái sấu chín cây thì trên vỉa hè Hà Nội cũng bắt đầu hiện ra cái hình ảnh người gánh cốm đi bán rong. Trái với thói thường của hàng rong, gánh cốm cứ êm ả mà đi, người bán cốm không cất tiếng rao hàng. Hình thù người gánh cốm cũng phần nào gợi lên cái phẩm chất như thứ quà giản dị thơm thảo hiền hậu, vừa chắc chắn vừa tinh tế. Đứng trên ban công nhìn xuống, đứng trong ngõ hoặc đứng trong quầy hàng nhìn ra, mà nhận được gánh cốm thì khắc gọi lấy mà mua. Cái gánh cốm Vòng cổ truyền đã quen quá đi rồi với con mắt của nhiều người đã chết đi sống lại nhiều lần với Hà Nội. Ai mà lầm được cái gánh cốm Vòng có cái đòn gánh dị thường một đầu thắng một đầu cong vút lên như cái ngọn chiếc hia tuồng Bình Đinh. Cái đòn gánh cổ truyền ấy là cả một thân tre đánh cả gốc, đầu cong chính là cái phần gốc cây mà có khi phải chọn hàng chục bụi tre mới tìm đúng được một chiếc đòn gánh cốm vừa ý. Cho nên đã có những cái đòn gánh cong truyền đi vai người này đến vai người khác có hàng mấy đời liền. Trong thúng là cốm, trên mặt thúng là một bó cọng rơm tươi còn xanh màu mạ, và những tập lá sen Hồ Tây.

Đã bao năm nay như thế, mỗi lần Hồ Tây lăn tăn ánh vàng nắng thu, mỗi lần những chòm mây mùa thu dãy Ba Vì và dãy Tam Đảo soi vào lòng sóng Hồ Tây, thì (ba mươi sáu) phố phường Hà Nội lại thấy xuất hiện cái bóng dáng êm ả của người gánh cốm Vòng tiến vào theo đường cửa ô Cầu Giấy. Lúc này cũng là lúc khắp nơi nơi, nắng mùa thu đang vẫy những đốm trứng cuốc vào mọi trái chuối tiêu đang vuốt cong lên cái màu vàng ngọt, và nắng mùa thu cũng đang làm bóng lên cái màu đỏ hổ phách bay phấn của những quả hồng trứng cũng đang vểnh hết cả tai hồng lên. Không hiểu đây là sự dàn xếp của mùa thu Việt Nam hay là sư hẹn hò của thời trân phẩm quả mà chuối tiêu trứng cuốc lại hay gặp mùa cốm và cốm lại gặp hồng trứng. Chất nó ăn ý với nhau mà màu sắc nó còn gắn bó với nhau hơn nữa. Đây quả là diễm phúc của người hoạ sĩ vẽ tranh tĩnh vật gửi vào vật vô tri tất cả nỗi niềm vô cùng biết ơn của mình đối với đất nước giàu tươi, đối với lượng cả của đất nước đang ban lộc ban phúc cho cuộc sống của lúa của quả của con người. Ai khó tính và cầu kì màu sắc cứ nói gì thì nói nhưng theo tôi cái màu xanh của cốm Vòng là thứ màu xanh đẹp hơn cả cái màu xanh của ngọc thạch, cốm xanh đậm ấy mà lại là lá sen xanh phân làm đĩa đựng càng thấy mình cùng tạo vật sao mà nó chan hoà cảm thông đến được như thế. Cốm rờn lên một niềm vui bất tận xanh, mả trên mặt đó lại cho chằng lên một múi lạt chữ thập nhuộm đổ cánh sen để gửi đến ngõ nhà người yêu, để đặt trên bàn tiệc cưới, đám hỏi, thì quả cái màu xanh thật là màu của nguyện vọng hạnh phúc. […]

(*Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập 2)

**Câu 1.** Nêu phương thức biểu đạt chính và chủ đề của đoạn trích.

**Câu 2**. Chỉ ra chất trữ tình được thể hiện trong đoạn trích.

**Câu 3**. Cái tôi của Nguyễn Tuân thể hiện như thế nào?

**Câu 4**. Nhận xét về tính mạch lạc trong đoạn trích trên.

**Câu 5**. Theo em, cần làm gì để có thể giữ gìn và bảo tồn nét đẹp văn hoá cốm làng Vòng?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

**-** Chủ đề đoạn trích: Giá trị, vẻ đẹp và hương vị của cốm làng Vòng. Qua đó, thể hiện niềm yêu thương, trân trọng của tác giả với cốm nói riêng và với Hà Nội nói chung.

**Câu 2.** Chất trữ tình thể hiện khi miêu tả tỉ mỉ, thú vị gánh cốm làng Vòng, sự tinh tế, hoà quyện giữa hồng và cốm, sự đặc sắc của màu xanh cốm:

**- Gánh cốm làng Vòng được tác giả miêu tả đầy tỉ mỉ, thú vị: “***Ai mà lầm được cái gánh cốm Vòng có cái đòn gánh dị thường một đầu thắng một đầu cong vút lên như cái ngọn chiếc hia tuồng Bình Đinh. Cái đòn gánh cổ truyền ấy là cả một thân tre đánh cả gốc, đầu cong chính là cái phần gốc cây mà có khi phải chọn hàng chục bụi tre mới tìm đúng được một chiếc đòn gánh cốm vừa ý. Cho nên đã có những cái đòn gánh cong truyền đi vai người này đến vai người khác có hàng mấy đời liền. Trong thúng là cốm, trên mặt thúng là một bó cọng rơm tươi còn xanh màu mạ, và những tập lá sen Hồ Tây*”.

**- Cảm nhận được sự tinh tế, hoà quyện của cốm và hồng: “***Chất nó ăn ý với nhau mà màu sắc nó còn gắn bó với nhau hơn nữa. Đây quả là diễm phúc của người hoạ sĩ vẽ tranh tĩnh vật gửi vào vật vô tri tất cả nỗi niềm vô cùng biết ơn của mình đối với đất nước giàu tươi, đối với lượng cả của đất nước đang ban lộc ban phúc cho cuộc sống của lúa của quả của con người.* ***(…)*** *Theo tôi cái màu xanh của cốm Vòng là thứ màu xanh đẹp hơn cả cái màu xanh của ngọc thạch, cốm xanh đậm ấy mà lại là lá sen xanh phân làm đĩa đựng càng thấy mình cùng tạo vật sao mà nó chan hoà cảm thông đến được như thế. Cốm rờn lên một niềm vui bất tận xanh”*.

**Câu 3.** Cái tôi của Nguyễn Tuân thể hiện:

- Ở sự am hiểu, yêu quý và trân trọng Cốm - thức quà của thiên nhiên cũng như văn hoá ẩm thực Hà Nội.

- Thể hiện gián tiếp qua việc miêu tả và cảm nhận về cốm.

**Câu 4.** Tính mạch lạc được thể hiện: Các phần, các đoạn đều tập trung thể hiện chủ đề của đoạn trích:

Đoạn 1: Từ đầu đến “và những tập lá sen hồ Tây”: Cảm nhận về giá trị, đặc trưng của gánh cốm làng Vòng.

Đoạn 2: Còn lại: Cảm nhận về hương vị, màu sắc của cốm làng Vòn.g

-> Cho người đọc có một hình dung rõ hơn về cốm làng Vòng và thêm yêu quý, trân trọng với sản vật nổi tiếng này.

**Câu 5.** HS nêu được những việc cần làm để giữ gìn, bảo tồn thương hiệu cốm làng Vòng như:

+ Nhà nước nên có chính sách hợp lí phát triển làng nghề, bảo vệ thương hiệu cốm làng Vòng, tổ chức lễ hội ẩm thực, quảng bá rộng rãi cho du khách.

+ Người dân tránh thương mại hoá, giữ nguyên được hương vị, giá trị của cốm theo thời gian; đoàn kết, đồng lòng từ việc giữ gìn cánh đồng trồng lúa nếp cái hoa vàng cho đến các khâu thực hiện quy trình làm ra cốm,…

+ Mỗi người dân nâng cao ý thức tìm hiểu và giữ gìn văn hoá truyền thống dân tộc.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thành các nội dung ôn tập.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Văn bản: *Chuyện cơm hến.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2**

**CHUYỆN CƠM HẾN**

**(Hoàng Phủ Ngọc Tường)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về VB. | **I. Kiến thức cơ bản về tác phẩm**  **1. Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường**  **2. Khái quát lại kiến thức chung văn bản**  **\*Xuất xứ:** Trích trong *Huế- Di tích và con người* (2001).  **\*Thể loại:** Tản văn.  **\*Phương thức biểu đạt:** Thuyết minh, biểu cảm.  **3. Khái quát kiến thức văn bản**  **\*Nét riêng trong khẩu vị của người Huế**  - Thích thú với 2 vị mà thiên hạ đều sợ đó là đắng và cay.  **\*“Chuyện cơm hến”**  - Cơm hến là một món ăn mang tính chất bình dân (từ nguyên liệu đến cách ăn), vì phù hợp với túi tiền của tất cả mọi người.  - Người Huế đã nâng một món ăn bình dân làm thành nghệ thuật ẩm thực Huế.  **-** Từ một món ăn của người bình dân, bài tản văn bàn về vấn đề nhân sinh, phong tục tập quán và sự giữ gìn văn hóa truyền thống, về đặc điểm nhân học, về tình yêu và sự gắn bó với quê hương...  - Chi tiết đặc biệt chị bán hàng rong và bếp lửa:vừa thực vừa mang tính tượng trưng cho ý thức gìn giữ nét văn hoá cổ truyền ở những người bình dân như chị bán hàng thu nhập ít ỏi nhưng họ không bỏ nghề, vẫn chăm chút cho nghề…  **\*Lời văn của tác giả**  - Trò chuyện đối thoại mang tính khẩu ngữ.  **\*Những nét đặc sắc nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ mang đậm màu sắc địa phương, gần với khẩu ngữ.  - Giọng điệu tự nhiên, hóm hỉnh kết hợp với chất trữ tình. |
| \*GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu VB. | **II. Luyện tập** |

1. **LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**ĐỀ BÀI**

**Đọc kĩ lại văn bản *Chuyện cơm hến* (SGK, tr.111) và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Văn bản “*Chuyện cơm hến*” được viết theo thể loại nào? Dấu hiệu nào giúp em nhận ra điều đó?

**Câu 2.** Qua văn bản, em có ấn tượng gì về món cơm hến?

**Câu 3.** Theo em, để người ăn nhớ mãi về một món ăn thì cần những yếu tố nào?

**Câu 4.** Từ chuyện cơm hến, tác giả muốn gửi đến chúng ta bức thông điệp gì?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu 1.**

**-** Văn bản “*Chuyện cơm hến*” được viết theo thể loại: Tản văn.

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Tính trữ tình: tình yêu, lòng tự hào của tác giả về truyền thống văn hoá quê hương.

+ Cái tôi tác giả: dấu ấn riêng về những trải nghiệm của bản thân, cách nhận định, đánh giá độc đáo.

+ Ngôn ngữ; chuyện trò, tâm sự mang đậm sắc thái vùng miền.

**Câu 2.** HS có thể chia sẻ ấn tượng của bản thân về món cơm hến như:

- Là món tiêu biểu cho phong cách ăn cay của người Huế;

- Là món chế biến tỉ mỉ, cầu kì rất đặc trưng của người Huế;

- Là món có hương vị độc đáo khó quên,…

**Câu 3.** Chia sẻ quan điểm các nhân: Để người ăn nhớ mãi về một món ăn cần những yếu tố như:

- *Chọn thực phẩm;*

*- Cách chế biến (gia vị, nêm mếm);*

*- Cách trình bày;*

*- Giá thành, cách ăn;*

- ….

**Câu 4.** Từ chuyện cơm hến, tác giả muốn gửi đến chúng ta bức thông điệp: Mỗi người cần biết yêu quý, trân trọng, giữ gìn bảo tồn văn hoá ẩm thực của quê hương

**B. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Ta đi giữa cánh đồng làng phơi phới tiết xuân, chợt nghĩ về những chậu quất vàng, những cành đào thắm; nghĩ về phiên chợ quê nườm nượp dòng xuân; nghĩ về không gian thoang thoảng hương trầm nhắc cháu con sum vầy bên mâm cơm chiều ba mươi Tết…Ta nghĩ về màn mưa bụi êm êm buông mờ lối ngõ, về tiếng trống hội làng bồn chồn, rạo rực theo bước chân dập dìu tài tử giai nhân. Nhớ lắm những đoàn xe cài lá ngụy trang, đưa ta cùng lớp lớp thanh xuân hướng về biên giới…Người đi xa gửi trao tuổi trẻ cho người ở lại chăm mùa vun xới những mùa xuân…Ôi, mùa xuân nồng nàn, xao xuyến! Xuân đi qua biết bao cuộc đời mà vẫn chưa thôi hồi hộp, say mê”.*

(Trần Văn Lợi, *Những nốt nhạc mùa xuân,*

Tạp chí Văn nhân, số 1,2/2019, tr.05)

**Câu 1.** Trong dòng tâm tưởng của tác giả, không gian mùa xuân hiện lên qua những tín hiệu nào?

**Câu 2.** Tìm hai từ chỉ trạng thái tâm lí và hai từ chỉ tính chất của hoạt động con người.

**Câu 3.** Nêu tác dụng của điệp ngữ “nghĩ về” được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 4.** *“Xuân đi qua biết bao cuộc đời mà vẫn chưa thôi hồi hộp, say mê”*, em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến trên của tác giả. Vì sao?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1:**

**Câu 1.** Những tín hiệu của không gian mùa xuân: *chậu quất vàng/ những cành đào thắm/ phiên chợ quê/ hương trầm/ mâm cơm chiều ba mươi Tết/ màn mưa bụi/ tiếng trống hội làng/ bước chân tài tử giai nhân/ những đoàn xe cài lá ngụy trang/ người đi xa.*

**Câu 2.**

- Từ chỉ trạng thái tâm lí: *phơi phới, bồn chồn, rạo rực, xao xuyến, hồi hộp.*

- Từ chỉ tính chất của hoạt động con người: *nườm nượp, dập dìu.*

**Câu 3.** Tác dụng của điệp ngữ “nghĩ về”: Tạo nhịp điệu nhịp nhàng; tạo sự liên kết cho câu văn; nhấn mạnh những ấn tượng, hoài niệm trong tâm tưởng của tác giả về vẻ đẹp của những mùa xuân đã qua.

**Câu 4.** *“Xuân đi qua biết bao cuộc đời mà vẫn chưa thôi hồi hộp, say mê”*, em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến trên của tác giả. Vì sao?

- Hs nêu quan điểm đồng tình (Vì mùa xuân mang lại những rung cảm, kí ức đẹp nên khi xuân đến lúc nào cũng háo hức mong chờ) hay không đồng tình (Vì mùa xuân gắn với kí ức buồn thì xuân đến rất có thể sẽ không còn háo hức say mê nữa).

- Hs lí giải thuyết phục bằng lí lẽ phù hợp với chuẩn mực đạo đức, có ý nghĩa tích cực.

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

“(1) *Có loài hoa nào thanh khiết và trong trẻo như đào? Có loài hoa nào trinh trắng và nguyên sơ như đào? Có loài hoa nào mang trong mình sứ mệnh thiêng liêng như đào? Và có loài hoa nào thân phận nổi nênh như đào? Ngày Tết, khi ai nấy rộn rã niềm vui, háo hức đón chờ năm mới, đào được nâng niu kén chọn, được bình bầu hứa gả đến nơi gác tía lầu son, đến nơi phong lưu thanh nhã, cũng có thể được đưa đến một nơi đơn sơ lạnh lẽo. Nhưng dù đến đâu đào cũng được đặt ở nơi trang trọng nhất bởi đào mang trong mình một thiên chức, một phận sự, đó là đem đến hơi ấm, khí xuân sự may mắn và những điều tốt đẹp, an lành trong ngày đầu năm…*

(2) *Có một cành đào trong ngày tết, hình như tâm hồn con người trở nên tươi mới hơn, nồng hậu và đằm thắm hơn, trong trẻo và bao dung hơn, thanh khiết và thánh thiện hơn…nhưng chỉ ít ngày, sau khi mùa xuân đã ngập tràn khắp cõi, đào lặng lẽ tan hòa vào đất, từng cánh mỏng tung mình theo gió, tan vào hư không, còn cành cội phiêu dạt khắp mọi phương trời…Hình như thân phận đào là vậy, mỗi năm được tỏa rạng một lần, được hiến dâng trọn vẹn một lần cho nhân thế rồi lặng lẽ tan vào hư vô....*

(3) *Tôi dặn lòng đừng quá bận tâm vì cành đào sau ngày tết lủi thủi nơi góc đường góc bãi, đừng quá bận tâm vì thú chơi nông nổi của người đời…Mỏng manh thân phận đấy, bung nở rực rỡ và lãng mạn đấy, cháy hết mình cho một cuộc vui đấy, nhưng là một cuộc vui trong khoảnh khắc thiêng liêng vi diệu nhất của đất trời…Đào không có nhiều thời gian để rong chơi trần thế như bao nhiêu loài hoa cỏ khác, nhưng được cháy hết mình cho bổn phận gọi thức mùa xuân, gọi thức sự sinh sôi, gọi thức mọi khởi đầu…Con người chúng ta cũng vậy thôi, chúng ta hạnh phúc không chỉ vì được sống bao lâu mà đã sống thế nào trong khoảng thời gian ít ỏi giữa nhân gian.”*

(Vũ Thanh Lịch, *Đánh thức trái tim*, NXB Kim Đồng, 2017, tr.87*)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Theo tác giả, hoa đào được đặt ở vị trí nào trong các gia đình ngày Tết? Vì sao?

**Câu 3.** Hoa đào đã sống một đời hoa như thế nào?

**Câu 4.** Tìm 03 tính từ tác giả dùng để chỉ đặc điểm hoa đào.

**Câu 5.** Chỉ ra phép điệp cấu trúc trong đoạn văn (1) và phân tích tác dụng.

**Câu 6.** Tác giả đã bộc lộ quan điểm gì trong câu văn *“Con người chúng ta cũng vậy thôi, chúng ta hạnh phúc không chỉ vì được sống bao lâu mà đã sống thế nào trong khoảng thời gian ít ỏi giữa nhân gian*”? Nêu ý kiến của em về quan điểm đó.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

**Câu 2.** Theo tác giả, hoa đào được đặt ở vị trí: trang trọng nhất.

- Vì: Đào đem đến hơi ấm, khí xuân, sự may mắn và những điều tốt đẹp, an lành trong ngày đầu năm.

**Câu 3.** Loài hoa này đã sống một đời hoa: ngắn ngủi, mỏng manh, nhưng đầy ý nghĩa, đã cháy hết mình, hiến dâng hết mình cho con người.

**Câu 4.** Tìm 03 tính từ chỉ đặc điểm hoa đào trong những từ sau: *“thanh khiết, trong trẻo, trinh trắng, nổi nênh, lặng lẽ, lãng mạn, nguyên sơ, rực rỡ”.*

**Câu 5.**

- Chỉ ra phép điệp cấu trúc trong đoạn văn (1): “*có loài hoa nào….như đào*”.

- Tác dụng: Tạo sự liên kết hình thức cho các câu văn. Nhấn mạnh tô đậm ấn tượng về vẻ đẹp của hoa đào. Bộc lộ cảm xúc, khẳng định tình cảm yêu mến thiết tha, trân trọng của tác giả trước vẻ đẹp hoa đào.

**Câu 6.**

- Câu cuối của văn bản tác giả đã bộc lộ quan điểm của mình về hạnh phúc của con người: nhấn mạnh giá trị cống hiến và để lại cho đời.

- Nêu được lý do vì sao một cách thuyết phục (*đồng ý thì vì sao, không đồng ý thì vì sao?)*

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Đôi vai mẹ đã thành chai từ bao giờ con không biết. Trên đôi vai ấy ai để chiếc bánh dày vào. Bánh dày màu nâu sẫm, có lúc nứt ra. Cái năm mẹ leo lên núi gánh đá xuống thuyền cho người ta chở lên tỉnh, ấy là cái năm vai mẹ nứt to nhất, mất một lần da, rớm máu, dính cả vào đòn gánh. Con hỏi, mẹ bảo: “Không đau, nó ê ra rồi”. Mẹ cởi trần, mặc yếm mà gánh. Lưng mẹ hoàn toàn là một bãi xém nồi. Mẹ gánh củi đi bán. Mẹ gánh thóc từ đâu về suốt đêm xay giã để bán. Tháng nào mẹ cũng gánh gạo đi một ngày đường ròng rã đến nơi con trọ học. Đôi vai ấy, con tin rằng suốt đời mẹ, không bao giờ trở lại lành lặn…Nhưng chính đôi vai xương xẩu, bé nhỏ, mỏng manh ấy lại gánh được bao thứ mà người thường không thể gánh nổi.”*

(Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng,* NXB Kim Đồng, 1996, tr.59)

**Câu 1.** Tìm chi tiết tiêu biểu được nhắc đến trong đoạn văn và nêu ý nghĩa của chi tiết ấy.

**Câu 2.** Hình ảnh người mẹ được khắc hoạ qua những từ ngữ nào?

**Câu 3.** Nêu cảm nhận của em về hình ảnh người mẹ qua đoạn văn trên.

**Câu 4.** Dấu ba chấm kết thúc câu văn “*Đôi vai ấy, con tin rằng suốt đời mẹ, không bao giờ trở lại lành lặn…*” có tác dụng gì?

**Câu 5.** Đặt nhan đề cho đoạn văn. Lí giải vì sao em đặt như vậy.

**Câu 6.** Nếu chọn một chi tiết ấn tượng nhất để viết về mẹ mình, em sẽ chọn chi tiết nào? Vì sao?

**\*GỢI Ý ĐỀ SỐ 3:**

**Câu 1.**

**\***Chi tiết tiêu biểu: “*chiếc bánh dày trên đôi vai mẹ*”.

\*Ý nghĩa:

- Gợi tả cụ thể, ấn tượng vết chai khác thường, ghi dấu bao nhiêu lần gánh gồng, vất vả mưu sinh, nén chịu đau đớn để nuôi con ăn học của người mẹ.

- Thể hiện một cái nhìn âu yếm, rất đỗi thương yêu của người con về mẹ.

**Câu 2.** Hình ảnh người mẹ được khắc hoạ qua đoạn văn: *đôi vai mẹ trai, nứt ra; mẹ leo lên núi gánh đá; vai mẹ nứt to, lật da, rớm máu; mẹ cởi trần gánh củi, gánh thóc, xay giã…*

**Câu 3.** Cảm nhận về hình ảnh người mẹ:

*+ vất vả, lam lũ, chịu thương chịu khó,…;*

*+ thầm lặng hi sinh cho con,…;*

*+ yêu thương con hết mực,….*

**Câu 4.** Dấu chấm lửng kết thúc câu văn thể hiện nỗi xúc động trĩu nặng, không cất thành lời của người con khi nghĩ về vết chai sần trên vai mẹ: ngậm ngùi, xót xa, thương yêu vô hạn…;

**Câu 5.** Chọn được nhan đề đảm bảo:

- Ngắn gọn;

- Nêu được nội dung chủ yếu, bao trùm của đoạn, hoặc nêu được chi tiết, hình ảnh đặc sắc của đoạn. Ví dụ: *Đôi vai mẹ; Đôi vai; Điều con chưa biết…; Chiếc bánh dày trên vai mẹ;…*

- Lí giải theo các tiêu chí nêu trên.

**Câu 6.** HS tự chọn và nêu một chi tiết ấn tượng nhất để viết về mẹ mình theo cảm nhận của bản thân, sau đó lí giải.

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi:**

*“Mưa này những ngày xưa thương nhớ ở quê, bố mình gọi là mưa lộc, mưa nõn. Nghe âm thanh gọi mưa đã đủ hình dung ra những hạt mưa gieo sự sống cho muôn loài. Nhưng mình, mình thích gọi mưa phùn bằng cái tên riêng do mình đặt: Mưa tơ. Bởi mưa như sợi tơ mỏng mảnh thức thao nhỏ nhẻ. Mềm như tơ, ám như tơ mà cũng giăng mắc như tơ. Mưa đấy mà tưởng như không mưa. Chỉ khi nào ngửa mặt lên trời mới biết. Chẳng có hạt mưa nào lộp độp trên áo, cũng không nặng trĩu bết tóc mai, chỉ có màn mưa che mờ mi mắt, chỉ có những hạt li ti chấp chới không gian. Mưa như điệu đàn vang lên những rung động không lời nhưng lại đầy gọi mời, thúc giục. Nên, mình cứ thong dong bước vào khung trời ảo hóa, bỏ lại sau lưng gian nhà chật hẹp ẩm thấp mà rong chơi lang thang trên nẻo đường quê, trong khí trời êm mát, chân giẫm lên cỏ xanh ngút ngát đến tận chân trời. Mưa tung bay dường như không chạm đất hoặc vừa chạm đất đã mơ hồ bay trở lại giữa trời. Và trong mưa, các loài hoa đồng nội cũng giao hòa mở tâm rộng lượng đưa hương dịu dàng tan vào bụi mưa bay. Mùa xuân thênh thang mở niềm ân sủng cho muôn loài. Hương cau gần gụi với hương mộc. Trà mi quấn quýt bên hoa sim, hoa nhãn hòa cùng hoa sứ. Bông cải vàng gửi bướm sang nụ tầm xuân. Hoa cà mê lòng hoa thiên lý, hoa nhài. Tất cả cứ rộn ràng, cứ nồng đượm, cứ thanh tân. Cứ gọi hồn xuân dạt dào mê đắm”.*

(Đỗ Xuân Thảo, *Ánh sao trong lòng bố*,

NXB Lao động, 2016, tr.124,125)

**Câu 1**. Tác giả gọi mưa phùn bằng tên gì? Dựa vào đặc điểm nào của nó?

**Câu 2.** Chỉ ra 3 từ được tác giả sử dụng để miêu tả “mưa phùn”.

**Câu 3.** Tìm câu văn thể hiện rõ nhất cảm xúc của tác giả với mùa xuân.

**Câu 4.** Em có đồng tình với tác giả khi cho rằng “*Mùa xuân thênh thang mở niềm ân sủng cho muôn loài”* không? Vì sao?

**Câu 5.** Em đã có trải nghiệm với mưa mùa xuân bao giờ chưa? Hãy chia sẻ những cảm nhận của bản thân.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4:**

**Câu 1**. Tác giả gọi mưa phùn là: *mưa tơ*. Dựa vào các đặc điểm: *mưa như sợi tơ mỏng mảnh thức thao nhỏ nhẻ; mềm như tơ, ám như tơ mà cũng giăng mắc như tơ”.*

**Câu 2.** Chỉ ra 3 từ được tác giả sử dụng để miêu tả “mưa phùn” trong những từ sau: *“mỏng mảnh thức thao nhỏ nhẻ, li ti chấp chới,…”*

**Câu 3.** Câu văn thể hiện rõ nhất cảm xúc của tác giả với mùa xuân: “*Tất cả cứ rộn ràng, cứ nồng đượm, cứ thanh tân. Cứ gọi hồn xuân dạt dào mê đắm”.*

**Câu 4.** HS nêu quan điểm cá nhân: đồng tình hoặc không đồng tình, lí giải hợp lí, thuyết phục.

**Câu 5.** HS tự chia sẻ cá nhân về trải nghiệm và những cảm nhận mưa mùa xuân.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Vb3: *Hội lồng tồng*.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 3**

**HỘI LỒNG TỒNG**

(Trần Quốc Vượng-Lê Văn Hảo-Dương Tất Từ)

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về VB. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Tác giả:** Trần Quốc Vượng-Lê Văn Hảo-Dương Tất Từ.  **2. Khái quát lại kiến thức văn bản**  **\*Xuất xứ:** rút trong tập “*Mùa xuân và phong tục Việt Nam*”.  **\*Kiểu văn bản:** Thông tin  **\*Phương thức biểu đạt:** Thuyết minh.  **\*Nội dung chính:** Những nét đặc sắc trong hội lồng tồng vùng Việt Bắc.  **\*Giới thiệu tóm tắt về hội lồng tồng**  - Thời gian tổ chức; địa điểm tổ chức; vùng miền có lễ hội; phần cúng tế – lễ; phần vui chơi – hội.  **\*Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng**  **- Những hoạt động:** Trò chơi ném còn; múa sư tử; lượn lồng tồng:  + Biểu thị những phẩm chất và khả năng của con người: Nhanh nhẹn, khéo léo, giỏi đánh võ, đi quyền, thuộc nhiều tác phẩm dân gian, ứng đối giỏi, hát hay, duyên dáng, giàu tình cảm, có tâm hồn phong phú…  **+** Người dân gửi gắm mong ước:Mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, bội thu, chăn nuôi thuận lợi, đời sống no đủ; **c**uộc sống vui tươi, lành mạnh, may mắn; con người có sức khoẻ, có tâm hồn bay bổng, phong phú; **c**ó được sức mạnh thể chất và tinh thần để đánh đuổi kẻ thù.  **\*Thái độ đánh giá của người viết**  - Đồng cảm, ngợi ca, đề cao vẻ đẹp của hát lượn, một sinh hoạt văn hoá dân gian phổ biến của đồng bào Tày, Nùng trong mùa xuân.  **\*Một số nét đặc sắc nghệ thuật:**  **-** Sử dụng phương thức thuyết minh, bày tỏ thái độ đánh giá của người viết về vấn đề được nói tới thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, nhất là tính từ.  - Miêu tả chi tiết, cụ thể từng hoạt động trong hội lồng tồng.  - Thể hiện kiến thức xã hội sâu sắc  thể hiện qua ngôn ngữ thuyết minh của tác giả. |
| \*GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu VB. | **II. Luyện tập** |

1. **LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**ĐỀ BÀI**

**Đọc kĩ lại văn bản *Hội lồng tồng*** **và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Văn bản “Hội lồng tồng” giới thiệu những trò chơi chính nào? Em ấn tượng nhất với trò chơi nào?

**Câu 2.** Nêu những phần chính trong hát lượn ở hội lồng tồng.

**Câu 3.** Hoạt động múa sư tử có ý nghĩa gì?

**Câu 4.** Qua lễ hội lồng tồng, em hãy nêu cảm nhận của mình về giá trị của văn hoá truyền thống trong đời sống hiện nay.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI TẬP**

**Câu 1.**

**-** Văn bản “Hội lồng tồng” đã giới thiệu những trò chơi chính: ném còn, múa sư tử, hát lượn.

- Tuỳ cảm nhận của bản thân, HS nêu trò chơi mà mình ấn tượng nhất.

**Câu 2.** Những phần chính trong hát lượn ở hội lồng tồng: lượn tuồng và lượn sương.

**Câu 3.** Ý nghĩa của hoạt động múa sư tử: thể hiện tinh thần thượng võ, rèn luyện thân thể, có sức khoẻ để lao động và chiến đấu bảo vệ quê hương.

**Câu 4.** Cảm nhận của mình về giá trị của văn hoá truyền thống trong đời sống hiện nay. HS cần mở rộng liên hệ và suy nghĩ về giá trị thực tế như: Tôn vinh những phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân từ bao đời nay; giáo dục truyền thống yêu nước; bồi đắp tâm hồn tình cảm; trân trọng giữ gìn những nét đẹp văn hoá cổ truyền; quảng bá văn hoá và du lịch Việt Nam, phát triển kinh tế…

**B. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**THI THỔI XÔI NẤU CƠM**

*“Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đỉnh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa. Cuộc thi bắt đầu từ sáng tinh mơ ngày giáp tết. Hằng năm, dân làng phải tuyển 48 (trong số hàng trăm) trinh nữ cho đội đến Mã Cương. Sau tiếng trống lệnh, mỗi nữ sinh xuống một thuyền thúng (thúng trên đầm Giang Đỉnh, mang theo kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rơm ướt và bã mía tươi). Các cô chèo ra giữa đầm, chuẩn bị bếp, vo gạo để chờ lệnh bắt đầu cuộc thi. Sau tiếng trống lệnh mới được nhóm lửa, các cô thổi cơm hay đồ xôi trước tùy ý, miễn là xong sớm để chèo thuyền vào nộp cơm và xôi cho Ban giám khảo. Nếu xong trước, xôi vẫn phải ngon, dẻo thì mới được điểm cao.*

*Khó khăn với các cô là ở chỗ nhóm bếp, thổi lửa. Phải giữ sao cho thuyền khỏi chòng chành, bếp lửa hướng ra phía gió dễ tắt. Các bà mẹ đã dạy các cô cách thức nhóm lửa bằng mồi ướt, thổi lửa mỗi khi bếp tắt, cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió, giữ lửa cháy điều hòa, cách ước lượng thời gian. Các cô đốt những nén hương và trông theo những đoạn hương cháy để biết nồi cơm, chõ xôi đã vừa chín chưa.*

*Nếu gặp mưa phùn gió bấc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả, còn nếu như mưa nặng hạt thì các cô sẽ được đưa lên bãi Giang Đỉnh trổ tài dưới những mái tranh. Cuộc thi diễn ra suốt buổi sáng.”*

**Câu 1.** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào? Dựa vào đâu để nhận ra phương thức ấy?

**Câu 2.** Đây là trò chơi dân gian truyền thống hay trò chơi hiện đại? Câu văn nào cho biết điều ấy? Kể tên các đồ dùng, vật liệu mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm mang theo. Trong những thứ ấy, có thứ gì khác thường?

**Câu 3.** Những khó khăn mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm gặp phải là gì? Điều đó đòi hỏi ở các cô gái những đức tính nào?

**Câu 4.** Theo em làm cách nào để phục hồi một số trò chơi dân gian trong xã hội hiện đại?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1**

**Câu 1.**

- Phương thức: thuyết minh.

- Dấu hiệu nhận biết: văn bản giới thiệu đầy đủ về địa danh, thời gian, thành phần, nguyên vật liệu và các bước tiến hành một hội thi.

**Câu 2.**

- Đây là một trò chơi dân gian truyền thống.

- Câu văn cho biết điều đó: “*Ðây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Ðỉnh, Hoằng Hoá, Thanh Hoá”*.

- Những đồ dùng thi thổi xôi nấu cơm gồm: *kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rơm ướt và bã mía tươi.*

*-*Trong những thứ khác thường: rơm ướt, bã mía – nhiên liệu dùng để đun bếp.

**Câu 3.**

- Khó khăn trong trò chơi: một mình nổi lửa đun bếp trong một chiếc thuyền thúng chòng chành giữa đầm lộng gió, phải đun bếp bằng rơm ướt và bã mía là những thứ rất khó cháy.

- Đòi hỏi phải có đức tính: khéo léo, kiên trì, chịu khó.

**Câu 4.** HS nêu cách phục hồi một số trò chơi dân gian trong xã hội hiện đại như:

- Nghiên cứu kĩ các trò chơi dân gian;

- Tuyền truyền cho mọi người thấy được ý nghĩa của chúng;

- Đưa vào trong trường học, các dịp lễ, tết ở địa phương.

-….

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**“**Để chuẩn bị cho hội vật, khâu quan trọng đầu tiên là lựa chọn hai đô thực hiện keo vật thờ. Để được chọn là đô vật cho keo vật thờ. Đô vật phải là đô có tiếng trong vùng, được đông đảo công chúng ghi nhận về tài năng đấu vật. Ngoài ra, đô vật đó phải có đức độ, có bề dày thời gian cống hiến công lao cho phong trào vật trong vùng.

Mở đầu hội vật, hai đô vật thực hiện keo vật thờ được giới thiệu rất trang trọng về tên tuổi, địa chỉ, thành tích đã đạt được, những sở trường trong thi đấu... Khi tiếng trống chầu vang lên, hai đô vật “mình trần đóng khố, chân quỳ vai sánh, hai tay chắp sườn. Hiệu lệnh của trống tiếp tục điểm, hai đô đứng vươn thẳng, hai tay vẫn chắp sườn nghênh diện. Tiếng trống chầu điểm lần thứ ba, họ chắp tay, đồng thời khom lưng “bái tổ” theo thế ba bước tiến lên, ba bước lùi xuống. Tư thế “bái tổ tam cấp” này có ý nghĩa tâm linh sâu sắc, ấy là nghi lễ nhằm thông báo các bậc thần linh thiêng rằng làng mở hội vật, qua đó, truyền đạt ý nguyện của muôn dân trong vùng cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, trái cây bội thu, dân sinh cường tráng....

(*Theo* Phí Trường Giang*, dulichbacgiang.gov.vn*)

**Câu 1.** Đoạn văn bản giới thiệu thông tin nào?

**Câu 2.** Để được chọn là đô vật thực hiện keo vật thờ cần đảm bảo những tiêu chí nào?

**Câu 3.** Em có nhận xét gì về cách lựa chọn đô vật thực hiện keo vật thờ?

**Câu 4***.* Quan sát đoạn 2 đô vật thực hiện nghi lễ bái tổ, em hãy phát hiện tư thế bái tổ của 2 đô và ý nghĩa của tư thế này.

**Câu 5.** Theo em, việc tổ chức lễ hội “Đấu vật” trên đất Bắc Giang có ý nghĩa gì?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 2**

**Câu 1.** Đoạn văn bản giới thiệu thông tin về keo vật thờ**.**

**Câu 2.**

**-**  Tiêu chí lựa chọn đô vật thực hiện keo vật thờ:

+ phải là đô có tiếng trong vùng, được đông đảo công chúng ghi nhận về tài năng.

+ phải có đức độ, có bề dày thời gian cống hiến công lao cho phong trào vật trong vùng.

**Câu 3.** - Cách lựa chọn đô vật: cẩn thận, đảm bảo tiêu chí cả tài và đức. Trong đó, tập trung vào đức độ của cả 2 đô, qua đó thấy được quan điểm của người xưa: lấy đức làm trọng của người xưa.

**Câu 4***.*

*-* Tư thế bái tổ của 2 đô: chắp tay, đồng thời khom lưng “bái tổ” theo thế ba bước tiến lên, ba bước lùi xuống.

- Ý nghĩa:

+ Thông báo với các bậc thần về việc làng mở hội vật.

+ Cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, trái cây bội thu, dân sinh cường tráng; gắn liền với nghề nông.

**Câu 5.**

\*Ý nghĩa của lễ hội đấu vật:

- Thể hiện tinh thần thượng võ.

- Khát vọng cuộc sống ấm no, mùa màng bội thu.

- Góp phần gìn giữ phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập VB4: *Những khuôn cửa dấu yêu*.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 4**

**NHỮNG KHUÔN CỬA DẤU YÊU**

Trương Anh Ngọc

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về VB. | **I. Kiến thức cơ bản về tác phẩm**  **1. Tác giả** Trương Anh Ngọc  **2. Khái quát lại kiến thức văn bản**  **\*Xuất xứ:**  - Văn bản trích trong *Nghìn ngày nước Ý*, nghìn ngày yêu, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr.75-80)  **\*Những đặc điểm thể loại tản văn trong văn bản**  - **Chất trữ tình:** Thể hiện tình cảm yêu mến, gắn bó qua quan sát và cảm nhận về những ô cửa sổ ở đất Ý.  - **Cái tôi tác giả:** Thể hiện ở những nhận xét, so sánh, liên tưởng phong phú, suy ngẫm sâu sắc về những ô cửa mở, những ô cửa khép, những ô cửa có dây thường xuân qua bốn mùa, những ô cửa của những căn nhà liêu xiêu…  - **Ngôn ngữ của bài tản văn:** gần gũi, tâm tình, trò chuyện.  **\*Vẻ đẹp đất nước và con người qua văn bản**  - Đất nước: ấn tượng, đẹp, thân thiện;  - Con người: đáng yêu, luôn biết chăm chút, nâng niu cho vẻ đẹp xung quanh mình, có cá tính, có tâm hồn…  **\*Những cảm xúc của tác giả về đất nước và con người I-ta-li-a**  - Yêu mến thiết tha;  - Trân trọng đất nước và con người I-ta-li-a. |
| \*GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu VB. | **II. Luyện tập** |

1. **LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**ĐỀ BÀI**

**Đọc kĩ văn bản *Những khuôn cửa dấu yêu* và chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Cửa sổ trong quan niệm của tác giả bài tản văn này được hiểu là:

A. Đôi mắt của căn nhà để nhìn ra cuộc sống.

B. Nơi treo những giỏ hoa đẹp cho người đi đường nhìn ngắm.

C. Tâm hồn của căn nhà, thể hiện cá tính của người chủ nhà.

D. Nơi chỉ có dây phơi để phơi quần áo trên đó.

**Câu 2.** Nhân vật ‘tôi” nhớ mãi một ô cửa sổ, bởi:

A. Nó được bao phủ quanh năm bởi một biển lá thường xuân và mỗi mùa bức tường lại trở thành một bức tranh với những gam màu khác nhau.

B. Nó chứa đựng những biến chuyển của lịch sử và đời người, là nơi yên tĩnh để lặng ngắm dòng chảy của thời gian và bộn bề của cuộc sống.

C. Nó đã chứng kiến sự có mặt của một vòi nước đã từng tồn tại ít nhất năm thế kỉ và mang theo dấu ấn của nhiều người nổi tiếng.

D. “Tôi” đã từng ngồi ở đó và “nhoài người ra khung cửa sổ” giữa bốn bề thường xuân để ngắm nhìn cuộc sống lặng lờ trôi.

**Câu 3.** Cái tôi tác giả đã thể hiện được:

A. Quan điểm, suy nghĩ của mình về những khuôn cửa sổ trong các ngôi nhà của người I-ta-li-a.

B. Ngôn ngữ tâm tình, thủ thỉ như lời trò chuyện, tâm sự hằng ngày.

C. Lòng yêu thích và ngưỡng mộ những khung cửa sổ của người I-ta-li-a.

D. Mong muốn được sống ở những ngôi nhà có những khung cửa sổ đẹp giống như ngôi nhà của người I-ta-li-a.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI TẬP**

Câu 1. A; Câu 2. B; Câu 3.A

**B. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**MỘT THỨC QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**

Cơn gió mùa thu hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúc càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm, truyền tự đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, các cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được cốm dẻo, thơm và ngon được ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến mùa cốm, các người ở Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng ...

Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Ai nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà siêu tết? Không có gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước nước ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?

Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve… Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố tiềm tàng và nhẫn nại của thần Lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

(*Ngữ văn 7* tập 1, NXB Giáo dục, 2009)

**Câu 1.** Văn bản sử dụng kết hợp những phương thức biểu đạt nào?

**Câu 2.** Tìm câu văn nói về cách thưởng thức cốm.

**Câu 3.** Cho biết công dụng của dấu chấm lửng trong những câu sau: “*Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve…*”

**Câu 4.** Hãy nhận xét về nét đặc trưng ngôn ngữ trong văn bản.

**Câu 5.** Từ văn bản trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Câu 6.** Em có đồng ý với ý kiến của tác giả: “*Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ*” không? Vì sao?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2:**

**Câu 1.** Kết hợp những phương thức biểu đạt: Biểu cảm, tự sự, nghị luận.

**Câu 2.** Câu văn nói về cách thưởng thức cốm: “*Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ”.*

**Câu 3.** Công dụng của dấu chấm lửng: Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

**Câu 4.** Đặc trưng ngôn ngữ trong văn bản: Giàu hình ảnh , giọng văn tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc

**Câu 5.** Bài học cho bản thân: Trân trọng nâng niu văn hoá truyền thống của quê hương; biết yêu mến gắn bó, lan toả những đặc sản quê mình,…

**Câu 6.**

- HS nêu ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý, hoặc cả hai.

- Lí giải hợp lí thuyết phục.

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Hạt dẻ Trùng Khánh thông thường mang hình tròn đều. Nhưng thỉnh thoảng cũng có hạt méo mó, dị dạng. Hạt nhỏ nhất cũng bằng ngón chân cái. Vào cữ1 cuối tháng Tám âm lịch, hạt dẻ bắt đầu chín. Khi chín, vỏ của nó lên màu hỗn hợp, giữa nâu với tía.

Bọn trẻ nhà tôi bảo: Đó là biến thể sẫm của màu đỏ, chưa bị bão hòa. Khi hạt dẻ còn tươi, thịt của nó rắn chắc, giòn tan, vị ngọt thanh và có màu vàng hoàng yến. Ngày nay, thứ quả đặc sản có một không hai ấy không chỉ thấy bày bán ở phố huyện Co Xàu. Thương hiệu hạt dẻ Trùng Khánh tràn lan ra khắp cả nước. Thậm chí, sang Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) cũng có hạt dẻ Trùng Khánh bày bán.

Tất nhiên đó là hạt dẻ do họ trồng nhưng mượn danh Trùng Khánh. Người bên đó làm hàng nhái rất giỏi. Nhưng nhìn kỹ thì biết. Hạt dẻ to, tròn, mỏng vỏ, bóng bẩy và rốn không hề có lông tơ. Khi luộc chín, không có mùi thơm. Nhưng thịt nó rất ngọt. Ngọt như trộn với đường.

Điều dễ nhận biết nhất là hạt dẻ nhái2 có bán quanh năm. Mùa nào cũng có. Hạt dẻ ấy mang đi bao xa, đi bao lâu cũng không bao giờ sợ bị thâm thối. Còn hạt dẻ Trùng Khánh xịn, vỏ cứng, dày và có nhiều lông măng. Nếu đem luộc, hấp hoặc mang vào lò nướng chín, bạn sẽ thấy có hương thơm tự nhiên. Ngọt bùi tự nhiên. Chỉ cần ngậm một lúc, tự nó mềm ra như bột bánh khảo. Nó từ từ chín một lần nữa trong miệng.

Hãy nhớ một điều, hạt dẻ Trùng Khánh chỉ xuất hiện vào mùa thu. Mùa đẹp nhất trong năm. Cứ vào giữa thu là hạt dẻ xù lông rụng rốn. Lượm về phải chế biến ngay, đừng để lâu. Nếu để lâu, hạt dẻ bị thâm thối, bốc mùi người không đứng gần được. Vì hạt dẻ chứa hàm lượng đạm rất cao. Đạm càng cao, khi bị hư càng nặng mùi.

(Trích *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát,*

In trong *Tháng Giêng – tháng Giêng một vòng dao quắm, NXB Phụ nữ, 2009)*

1. *Cữ (khẩu ngữ):* chỉ thời gian ước chừng, có nghĩa là “vào khoảng”
2. *Nhái:* tức hàng nhái, hàng giả, giả mạo.

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích.

**Câu 2.** Tìm các chi tiết miêu tả hình dạng, màu sắc của hạt dẻ Trùng Khánh.

**Câu 3.** Theo tác giả, có những đặc điểm nào để phân biệt hạt dẻ Trùng Khánh và hạt dẻ nhái, mượn danh Trùng Khánh?

**Câu 4.** Cái tôi của tác giảbiểu hiện trong đoạn trích như thế nào?

**Câu 5.** Em có cảm nhận gì về hạt dẻ Trùng Khánh qua đoạn trích?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt trong đoạn trích: miêu tả, biểu cảm.

**Câu 2.** Các chi tiết:

+ Miêu tả hình dạng: thường tròn đều, thỉnh thoảng có hạt méo mó, dị dạng; hạt nhỏ nhất bằng ngón chân cái; vỏ cứng, dày và có nhiều lông măng.

+ Miêu tả màu sắc: Khi chín, hạt dẻ có màu hỗn hợp, nâu và tía.

**Câu 3.** Theo tác giả, hạt dẻ Trùng Khánh và hạt dẻ nhái mượn danh Trùng Khánh có những điểm khác biệt:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hạt dẻ Trùng Khánh** | **Hạt dẻ nhái, mượn danh Trùng Khánh** |
| * Chỉ xuất hiện vào mùa thu. * Vỏ cứng, dày và có nhiều lông măng * Khi chín có hương thơm tự nhiên, vị ngọt tự nhiên. * Lượm về phải chế biến ngay. Nếu để lâu dễ bị thâm thối, bốc mùi vì chứa hàm lượng đạm cao. | * Có bán quanh năm * Hạt dẻ to, tròn, mỏng vỏ, bóng bẩy và rốn không hề có lông tơ. * Khi luộc chín không có mùi thơm; vị rất ngọt như trộn với đường. * Mang đi bao lâu, bao xa cũng được, không bao giờ sợ bị thâm thối. |

**Câu 4. Cái tôi của tác giả được thể hiện trong đoạn trích:**

* Biểu hiện trực tiếp qua cách nhân xưng “tôi”: “Bọn trẻ nhà tôi bảo…”; qua thái độ, tình cảm của mình bộc lộ trong văn bản “Hãy nhớ một điều…”
* Biểu hiện gián tiếp qua cách miêu tả tỉ mỉ, chi tiết về hạt dẻ Trùng Khánh. Từ đó, thể hiện sự am hiểu, yêu quý, tự hào của tác giả với sản vật quê hương.

**Câu 5.** Nêu lên cảm nhận của mình về hạt dẻ Trùng Khánh qua đoạn trích như:

+ Hiểu biết thêm về một sản vật quý của đất nước.

+ Yêu mến, tự hào về sản vật đất nước.

+ Mong muốn được một lần đến tận nơi và thưởng thức sản vật quý này.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị Thực hành tiếng Việt: *Từ ngữ địa phương.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**: **Giúp HS ôn tập, củng cố kiến thức:**

- Nhận biết và nêu được tác dụng: từ ngữ địa phương.

**2.** **Phẩm chất:**

- HS có ý thức chăm chỉ; yêu mến trân trọng vẻ đẹp ngôn ngữ tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC ÔN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*GV cho HS nhắc lại khái niệm và tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương**  **I. Ôn tập lý thuyết**  **a. Khái niệm:**  - Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được sử dụng ở một vùng, miền nhất định.  **b. Tác dụng:**  - Tạo sắc thái địa phương cho câu chuyện, nhân vật,... trong tác phẩm văn học. | |
| **II. Luyện tập thực hành**  **\*Cách thức chung:**  - GV cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi theo bàn, đọc và xác định các yêu cầu của đề, sau đó lần lượt thực hiện từng yêu cầu của bài tập.  - HS tiếp nhận và thực hiện yêu cầu, suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi, trình bày kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương, rút kinh nghiệm. | |
| **Bài tập 1:** Nối các từ ngữ có ý nghĩa giống nhau ở 2 cột:   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Quả quất | 1. Mẹ | | 1. Quả na | 1. Tắc | | 1. Hoa quả | 1. Bát | | 1. Đọi | 1. Trái thơm | | 1. Bầm | 1. Vào | | 1. Vô | 1. Mãng cầu | | 1. Quả dứa | 1. Trái cây | | **Bài tập 1:**  **1 - b;**  **2 – f;**  **3 – g;**  **4 – c;**  **5 – a;**  **6 – e;**  **7 – d.** |
| **Bài tập 2:** Xác định từ ngữ địa phương bằng cách đánh dấu (X) vào bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | **Miền Bắc** | **Miền Trung** | **Miền Nam** | | Đìa |  |  |  | | Rày |  |  |  | | Bên ni, bên tê |  |  |  | | Chộ |  |  |  | | Vưỡn |  |  |  | | Giả vờ |  |  |  | | Tía |  |  |  |   **Gợi ý trả lời**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | **Miền Bắc** | **Miền Trung** | **Miền Nam** | | Đìa |  |  | **x** | | Rày |  |  | **x** | | Bên ni, bên tê |  | **x** |  | | Chộ |  | **x** |  | | Vưỡn | **x** |  |  | | Giả vờ | **x** |  |  | | Tía |  |  | **x** | | |
| **Bài tập 3:** Tìm các từ ngữ địa phương trong đoạn văn sau và giải thích nghĩa của chúng:  *Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rặt sân đất, nên nhà nào cũng cặm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa sân chìm trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củi, hay gối, chiếu. Những ngày hửng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó ngóng nắng, khi cám mốc, khi thì mớ bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mớ cơm nguội hay mớ lá dừa khô dùng để nhen lửa, mấy trái đậu bắp già làm giống cho mùa sau… Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lưng. Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vô bồ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân săm sắp nước lúa rày đã lấm tấm xanh. Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.*  (Nguyễn Ngọc Tư, *Mùa phơi sân trước*)  **Gợi ý trả lời**  Các từ ngữ địa phương trong đoạn trích:   * Hồi (từ địa phương miền Nam): lúc, khi. * Con nít (từ ngữ địa phương miền Nam): trẻ con. * Cặm (từ địa phương miền Nam): dựng. * Trái (từ địa phương miền Nam): quả * Mau (từ địa phương miền Nam): nhanh | |
| **Bài tập 4:** Tìm và giải thích nghĩa của các từ địa phương trong những câu dưới đây. Các từ đó được sử dụng ở vùng miền nào và chúng có tác dụng gì trong việc phản ánh con người, sự vật?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu văn** | **Từ địa phương** | **Vùng miền** | **Tác dụng** | | *a. Tía thấy con ngủ say, tía không gọi* |  |  |  | | *b. Điều đó, má nuôi tôi quả quyết...* |  |  |  | | *c.Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chút!* |  |  |  | | *d. Bà không thua anh em ta một bước nào đâu* |  |  |  |   \*Gợi ý đáp án:  a. Tía  b. Má  c. Giùm  d. thua, bước  => Thể hiện đặc sắc ngôn ngữ của người Nam Bộ, tạo sắc thái Nam Bộ gần gũi, giản dị. | |
| **Bài tập 5:** Những từ nào trong các câu sau đây là từ địa phương? Chúng được sử dụng ở vùng miền nào? Giải thích nghĩa của các từ địa phương đó và nêu tác dụng của việc sử dụng chúng.  a*. Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nớ hẳn là mắt tiên, cha nhể?*  *b. Đền ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó, con ạ.*  *c. Việc đời đã dở dận, mi lại "thông minh" dở dận nốt****.*** | **Bài tập 5:**  a. Nớ- kia  Nhể- nhỉ  b. ni- này  c. Dở dận: Dớ dẩn- vớ vẩn; mi- mày  - Từ địa phương miền Trung  - Tác dụng: Thể hiện cách nói của người dân miền Trung, tạo sắc thái thân mật, gần gũi |
| **Bài tập 6:** Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) với chủ đề tự chọn sử dụng ít nhất 3 từ ngữ địa phương ở vùng miền em sống. Sau đó tìm các từ ngữ đồng nghĩa ở các địa phương khác.  ***Bảng kiểm***  ***kĩ năng viết đoạn văn***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 10 câu. |  | | **2** | Đoạn văn tập trung làm sáng tỏ chủ đề: chủ đề HS tự chọn, các câu văn trong đoạn văn tập trung làm rõ chủ đề của đoạn. |  | | **3** | Đoạn văn sử dụng ít nhất 3 từ địa phương. |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu. |  | | **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  | | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- Chuẩn bị tiết **Viết văn bản tường trình.**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. Mục tiêu: Giúp HS củng cố:**

- Cách một VB tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình tổ chức ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Ôn tập bố cục văn bản tường trình** | |
| \*GV cho HS ôn tập qua việc nhắc lại kiến thức về bố cục kiểu bài. | **1. Khái niệm**  **A. Phần mở đầu:**  - Quốc hiệu và tiêu ngữ.  - Địa điểm và thời gian viết bản tường trình.  - Tên văn bản tường trình.  - Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  - Tên người viết tường trình.  **B. Phần nội dung:**  - Tường trình cụ thể (thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, nguyên nhân, hậu quả, người chịu trách nhiệm).  **C. Phần kết thúc:**  **-** Cam đoan và cam kết.  - Kí tên hoàn tất bản tường trình. |
| **II. Luyện tập** | |
| \*GV nêu các yêu cầu, nhiệm vụ cho HS thực hiện:  *1) Xác định các bước và yêu cầu của từng bước.*  *2) Chuẩn bị trước khi viết.*  *3) Tổ chức viết bài.*  *4) Chỉnh sửa bài viết.*  *5) Báo cáo kết quả sản phẩm viết.*  - HS lắng nghe yêu cầu, tập trung thực hiện nhiệm vụ học tập, chỉnh sửa bài viết theo bảng phiếu chỉnh sửa.  - GV yêu cầu 2-3 HS trình bày, HS khác nghe, bày tỏ quan điểm và và bổ sung cho bạn (nếu cần).  - GV hướng dẫn HS đánh giá các bài viết hoàn chỉnh mà HS trình bày theo Bảng kiểm.  - GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức cho HS tham khảo một số bài viết mẫu. | **Đề bài:** Viết văn bản tường trình vềviệc làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc được giao.  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết***  - Xác định mục đích viết và người đọc.  - Hình dung và nhớ lại các sự việc đã xảy ra.  - Giả định tư cách viết tường trình của bản thân.  - Xác định các thông tin cụ thể.  ***Bước 2: Viết bản tường trình***  - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức.  - Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc.  - Đề tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  - Xưng danh với đầy đủ họ tên.  - Trình bày vụ việc ngắn gọn nhưng rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại… Cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc.  - Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình.  - Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị.  - Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy.  ***Bước 3: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa bài văn dựa vào gợi ý SGK trang 123.  **\*Báo cáo sản phẩm hoàn chỉnh** |
| **BÀI VIẾT THAM KHẢO**  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **-------------------------------**  *…, ngày 16 tháng 9 năm 2022*  **BẢN TƯỜNG TRÌNH**  Vềviệc làm hư hại đồ dùng học tập của bạn  khiến bạn không hoàn thành công việc được giao.  *Kính gửi:*- BGH trường THCS…                      - Cô Lê Thị H, giáo viên chủ nhiệm lớp 9E     Em là Đỗ Văn B, học sinh trường THCS …, xin phép tường trình với cô một việc như sau:     Trong buổi học sáng ngày 16 tháng 9 năm 2021, em quên không mang máy tính đi học nên em đã mượn của bạn Đỗ Văn An. Trong quá trình mượn dùng em đã vô ý để máy tính rơi vỡ, khiến bạn An không có máy tính để dùng và do đó không hoàn thành bài tập cô giao.      Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được BGH nhà trường và cô giáo chủ nhiệm giúp đỡ.  *Người viết tường trình*                                                       (Kí tên)    Đỗ Văn B | |
|  | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;
* Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm;

- Chuẩn bị các nội dung đã ôn tập của bài 5 để làm bài kiểm tra tổng hợp.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN LUYỆN**

**ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

- HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

- HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

**II. Thiết bị và học liệu**

- Máy chiếu, ti vi, đề kiểm tra in sẵn.

**III. Tổ chức ôn tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS. HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút. HS làm việc cá nhân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**A. MA TRẬN (Thời gian 90 phút)**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Đọc -hiểu | Văn bản tản văn | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | Viết | Viết bài văn biểu cảm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **20** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60** | | | | **40** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | Đọc-hiểu | Văn bản tản văn (ngữ liệu ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt đoạn trích/ ngôi kể/ nhân vật/ sự kiện chính, thể loại,…  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  - Nhận biết loại câu xét về mặt ngữ pháp  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng bộc lộ tình cmả, cảm xúc.  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: chất trữ tình, cái tôi của tác giả  - Hiểu được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài viết  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | **4TN** | **4TN** | **2TL** |  |
|  | Viết | *Viết văn bản tường trình về việc chứng kiến một vụ bắt nạt trong trường học.* | **Nhận biết:** Nhận biết được đối tượng, kiểu bài.  **Thông hiểu**: Kĩ năng viết bài, nội dung viết về đối tượng.  **Vận dụng:** Vận dụng những hiểu biết về KT, KN để tạo lập kiểu bài.  **Vận dụng cao:** Sáng tạo và hoàn chỉnh bài viết tường trình về việc chứng kiến một vụ bắt nạt trong trường học. |  |  |  | **1TL\*** |
| **Tổng** | | |  | **4TN** | **4TN** | **2TL** | **1TL\*** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**C. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

Nhìn những cánh diều đủ hình dáng, màu sắc bay lượn trên không trung chắc không chỉ có đám trẻ mà ngay cả người lớn như tôi cũng thích. Mỗi lần nhìn chúng thả diều, tôi chạnh nhớ cánh diều tuổi thơ của mình.

Sau những ngày tết rộn ràng, trẻ em miền quê lại trở về với những trò chơi ngày thường. Chiều xuống, trời dịu nắng, gió Nam lay động cành lá, xua tan một ngày nắng nóng, đám trẻ trong xóm lại tìm đến cánh đồng thi nhau thả diều.

Nhìn những cánh diều đủ hình dáng, màu sắc bay lượn trên không trung chắc không chỉ có đám trẻ mà ngay cả người lớn như tôi cũng thích. Mỗi lần nhìn chúng thả diều, tôi chạnh nhớ cánh diều tuổi thơ của mình.

Mẹ tôi qua đời khi anh chị em tôi mới ở độ tuổi biết mê thả diều, nhưng chưa biết dán diều… Tuy nhà nghèo, ba phải làm thuê làm mướn đủ việc để nuôi con nhưng ba tôi không quên lo cho anh em tôi vui chơi giải trí. Hồi đó, trẻ em trong xóm có trò chơi nào vui thích và không gây hại cho ai, ba tôi tạo điều kiện cho chúng tôi vui chơi, trong đó có thả diều.

Con diều của ba làm đơn giản và hơi xù xì, thô kệch, nhưng vững chắc. Đầu diều là một tờ báo lớn dán vào một khung làm bằng trúc chẻ nhỏ. Rồi ba dán thêm hai cái đuôi dài và hai cái “lỗ tai” (cánh nhỏ) vào đầu diều. Diều hơi nặng, cất cánh chậm, nhưng khi bay cao diều không chao đảo, mà luôn thăng bằng giữa không trung. Chỉ có đuôi và cánh rung rinh theo làn gió.

Hồi đó, ruộng đồng mỗi năm làm có một vụ lúa mùa. Sau tết nguyên đán, hết việc nhà nông, ba tôi chuyển sang làm mộc thuê. Dù làm cả ngày mệt rã người, chiều về ba dẫn anh em tôi ra đồng chỉ cách thả diều. Khi diều cất cánh lên không trung, ba lại nhanh chân về nhà lo xách nước, nấu cơm… Anh em tôi thích thú nhìn cánh diều đến lúc hết thấy đường mới cuốn dây hạ diều về nhà.

Hết bậc tiểu học, anh em tôi tự tay dán diều và ra đồng thả. Cánh diều của chúng tôi cũng đơn giản như cánh diều của ba. Khi trưởng thành hơn một chút, anh em tôi không chỉ thả diều mà còn thả theo mơ ước của mình. Bọn tôi thường lấy giấy cắt thành hình tròn viết những điều ước mơ của mình vào, rồi luồn vào sợi dây thả diều, cho bay lên cùng với con diều. Hồi đó, ước mơ của anh tôi là làm bác sĩ. Tôi hỏi: “Vì sao?”.

Anh triết lý: “Mày có thấy chỉ vì bệnh, má mình chết sớm không? Tao quyết chí học làm bác sĩ để trị bệnh cứu người,  không để những người mẹ trẻ phải chết sớm, những trẻ thơ phải bơ vơ côi cút!”. Còn tôi, lúc ấy cũng vừa vào bậc trung học, khi được học những bài giảng văn, trích đoạn các tác phẩm của tác giả Tô Hoài, Khái Hưng, Thạch Lam… lại mê trở thành nhà văn. Tôi cũng gửi niềm ước mơ của mình theo cánh diều là sau này trở thành nhà văn nổi tiếng.

Nhưng mơ ước cũng chỉ là mơ ước! Anh em tôi không đủ sức, đủ tài để thực hiện. Mặc dù vậy, cả hai anh em đều thực hiện được ước mơ của ba là làm thầy giáo. Dù chỉ là thầy giáo dạy bậc tiểu học trường làng, nhưng ba tôi rất vui mừng, vì anh em tôi thoát được cảnh làm thuê trên đồng ruộng vào mùa vụ và làm “thợ đụng” trong lúc nông nhàn. Bàn tay của anh em tôi không phải gân guốc, đen đúa, chai sần với cuốc, phảng, liềm, búa, cưa, kềm, đục, khoan... như ba nữa.

Ngày nay, dù có quá nhiều trò chơi, vẫn còn nhiều trẻ em thích thả diều. Nhưng chắc ít có phụ huynh nào dán diều cho con em chơi. Vì diều bán sẵn rất đẹp, nhiều màu sắc, đủ kiểu dáng. Nhìn những cánh diều xinh xắn, vi vút lướt gió trên bầu trời, các em bây giờ có còn gửi gắm ước mơ của mình như chúng tôi ngày xưa...

Riêng tôi, giờ không còn thả diều, cũng không dán diều cho con, cháu, càng không muốn gửi gắm niềm mơ ước riêng tư vào cánh diều như thuở nhỏ. Giờ tôi chỉ gửi niềm mong ước chung vào tất cả những cánh diều của đám trẻ: “Mong sao tất cả các em đều được cắp sách đến trường. Tất cả đều là con ngoan, trò giỏi và trở thành người hữu ích cho gia đình và xã hội…”.

(T.L, nguồn: <https://baotayninh.vn/>

canh-dieu-tuoi-tho-a119403.html)

***Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời mà em lựa chọn cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 vào bài làm. Với câu 9, 10 các em tự viết phần trả lời vào bài.***

**Câu 1.** Ý nào đúng nhất khi nói về thể loại của văn bản?

A. Tản văn C. Truyện ngắn

B. Tuỳ bút D. Truyện thơ

**Câu 2.** Trong văn bản,người viết xưng “tôi” có ý nghĩa gì?

A. Bộc lộ cảm xúc khách quan.

B. Bộc lộ cảm xúc chân thực, trong sáng.

C. Người kể có thể trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ cá nhân.

D. Hai ý B, C.

**Câu 3.** Hình ảnh cánh diều gắn liền với những điều gì trong cuộc sống của nhân vật “tôi”?

1. Những người bạn thời ấu thơ.
2. Những cánh đồng lúa bát ngát.
3. Những trò chơi tuổi thơ, gắn liền kí ức về bố, mẹ, anh của mình.
4. Những thứ đồ chơi dân gian.

**Câu 4.** Hình ảnh cánh diều chuyên chở ước mơ gì của nhân vật “tôi”?

1. Thầy giáo C. Bác sĩ
2. Nhà văn nổi tiếng D. Người bán diều

**Câu 5**. Theo em, vì sao cánh diều tuổi thơ lại trở thành kí ức sâu đậm trong kí ức của nhân vật “tôi”?

1. Vì cánh diều gợi nhớ đến hình ảnh những người thân trong gia đình của nhân vật “tôi”.
2. Vì cánh diều gợi nhớ đến hoàn cảnh nghèo của gia đình thời ấu thơ.
3. Vì cánh diều gợi nhớ đến trò chơi dân gian và kí ức về tuổi thơ.
4. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 6.** Xét về mặt ngữ pháp, câu văn: *“Chiều xuống, trời dịu nắng, gió Nam lay động cành lá, xua tan một ngày nắng nóng, đám trẻ trong xóm lại tìm đến cánh đồng thi nhau thả diều.”* là câu gì?

1. Câu đơn C. Câu ghép
2. Câu đặc biệt D. Câu rút gọn

**Câu 7.** Trẻ con ngày nay vẫn chơi thả diều nhưng ít có phụ huynh dán diều cho con chơi. Theo tác giả, lí do vì sao?

1. Vì giờ phụ huynh bận đi làm, không có nhiều thời gian như xưa.
2. Vì giờ có nhiều diều bày bán sẵn, nhiều màu sắc, đủ kiểu dáng.
3. Vì giờ phụ huynh có điều kiện, chứ không nghèo như nhân vật “tôi” ngày xưa.
4. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 8.** Theo em, điều tác giả muốn gửi gắm qua văn bản là gì?

1. Luôn có niềm mơ ước cho riêng mình.
2. Lưu giữ những trò chơi dân gian.
3. Ghi nhớ những kí ức tuổi thơ.
4. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 9.** Văn bản cho thấy nhân vật “tôi” là người như thế nào?

**Câu 10.** Theo em, việc lưu giữ trò chơi dân gian có vai trò gì đối với sự phát triển của trẻ em? (Trả lời trong khoảng 3 – 5 câu).

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

***Viết văn bản tường trình về việc chứng kiến một vụ bắt nạt trong trường học.***

**C. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC** | **6,0** |
|  | **Câu 1- 8: Mỗi câu đúng ( 0,5 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **Đáp án** | **A** | **D** | **C** | **B** | **D** | **A** | **B** | **D** | | | |
| **9** | Qua văn bản, ta nhận thấy nhân vật “tôi” là người biết trân trọng những kí ức tuổi thơ, trân trọng tình cảm gia đình, có tình yêu với quê hương, đất nước; có mong ước về một tương lai tốt đẹp.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời được 3 - 4 ý như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,25 điểm* | 1,0 |
|  | **10** | HS tự đưa ra vai trò từ nhận thức của bản thân. Có thể đưa ra một số ý nghĩa sau:  - Trò chơi dân gian không chỉ đơn thuần là trò chơi cho trẻ mà nó còn chứa đựng văn hoá dân tộc Việt Nam độc đáo.  - Trò chơi dân gian không những nâng cánh cho tâm hồn trẻ, giúp trẻ phát triển khả tư duy, sáng tạo, khéo léo mà còn giúp trẻ hiểu tình bạn, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước…  - Những trò chơi đơn giản, âm điệu vui tươi, sống động nhí nhảnh gần gũi với cuộc sống giúp trẻ thêm hào hứng học tập và sống hồn nhiên hơn.  - Mặt khác các trò chơi dân gian thường diễn ra ngoài trời sẽ đưa trẻ gần với thiên nhiên hơn, trẻ có nhiều cơ hội tìm hiểu, quan sát về môi trường tự nhiên hơn.  - Trò chơi dân gian còn góp phần phát triển toàn diện cho trẻ, hạn chế tiếp xúc ti vi, điện thoại,…  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đưa ra được 4 ý nghĩa hợp lí trở lên: 1.0 điểm.*  *- Đưa ra được 3 ý nghĩa hợp lí: 0.75 điểm.*  *- Đưa ra được 2 ý nghĩa hợp lí: 0.5 điểm*  *- Đưa ra được 1 ý nghĩa hợp lí: 0.25 điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | ***Viết văn bản tường trình về việc chứng kiến một vụ bắt nạt trong trường học.*** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc văn bản tường trình:* (có mở đầu, nội dung và kết thúc theo đúng thể thức). | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề:*  Viết văn bản tường trình về việc chứng kiến một vụ bắt nạt trong trường học. | 0,5 |
| *c. Nội dung:*  **A. Phần mở đầu:**  - Quốc hiệu và tiêu ngữ.  - Địa điểm và thời gian viết bản tường trình.  - Tên văn bản tường trình.  - Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  - Tên người viết tường trình.  **B. Phần nội dung:**  - Tường trình cụ thể (thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, nguyên nhân, hậu quả, người chịu trách nhiệm).  **C. Phần kết thúc:**  **-** Cam đoan và cam kết.  - Kí tên hoàn tất bản tường trình. | 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Chương trình Ngữ văn 2018.

- SGK, SGV *Ngữ văn 7, KNTTVCS*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung các Modun tập huấn của Bộ GD&ĐT.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- *Bồi dưỡng ngữ văn 7*, Thanh Mai (chủ biên), NXB Giáo dục, 2022.